

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM SÁCH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HNGĐ-ST

Ngày 14-6-2018

"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Liên.

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Liên;

Bà Trần Thị Luận.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Sách.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách: Bà Nguyễn Thị La - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 70/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Đình T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện N, Hải Dương - (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Lưu Thị G, sinh năm 1989 - (có mặt);

ĐKKHKT: Địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện N, Hải Dương;

Chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Bùi Thị M, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương - (vắng mặt);

2. Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1955 - (vắng mặt);

3. Bà Bùi Thị M1, sinh năm 1963 - (vắng mặt);

Đều có địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện N, Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 4 năm 2018 bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn anh Trần Đình T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lưu Thị G kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 29/11/2011 (Giấy đăng ký số 32/2012 quyền số: 01 năm 2010). Vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng không thống nhất trong việc làm ăn, quản lý kinh tế, không hợp nhau về tính tình cũng như cách sống nên thường xuyên mâu thuẫn. Từ tháng 7 năm 2017 chị G đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên xin ly hôn chị G.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Trần Lưu Vân T, sinh ngày 18/12/2012, hiện cháu đang học ở trường mầm non xã Q chị G vẫn đưa đón cháu về ở với chị G. Anh đề nghị tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh đề nghị để anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 02 tháng 5 năm 2018 và các lời khai tại Tòa án chị Lưu Thị G trình bày: Thời gian và điều kiện vợ chồng chị kết hôn như anh T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn anh chị sống chung tại gia đình chồng. Anh làm nghề lái xe còn chị làm công nhân. Vợ chồng sống cùng nhau nhưng không có hạnh phúc. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm về cách sống. Về kinh tế gia đình anh không đưa tiền lương, thu nhập của anh cho chị, mọi chi tiêu trong gia đình chị tự lo. Khi vợ chồng mâu thuẫn anh còn đánh đập chị. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 7/2017 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh T xin ly hôn chị đồng ý.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Trần Lưu Vân T, sinh ngày 18/12/2012, hiện cháu đang ở với chị. Chị đề nghị tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bà Bùi Thị M là mẹ đẻ anh Trần Đình T xác định: Sau khi anh T và chị G kết hôn, anh chị đã về sống chung cùng gia đình bà. Quá trình chung sống, anh chị thường xuyên mâu thuẫn, gia đình bà cũng đã khuyên anh chị suy nghĩ để đoàn tụ vợ chồng nhiều nhưng không có kết quả. Chị G đã bỏ về sống tại nhà bố mẹ đẻ từ tháng 7 năm 2017 đến nay. Nay anh, chị có chung sống được với nhau hay không do anh, chị quyết định. Vợ chồng anh T có 01 con chung là Trần Lưu Văn T, sinh ngày 18/12/2012, hiện cháu đang ở với chị G. Cháu học tại trường Mầm non xã Q do chị G đưa đón, gia đình bà vẫn phụ đón cháu giúp chị G khi chị G đi làm về muộn. Quan điểm của bà M: Nếu vợ chồng anh T ly hôn, việc giải quyết nuôi con chung do anh chị quyết định và cũng đề nghị Tòa án xem xét quyền lợi của cháu T.

Bà Bùi Thị M1 là mẹ đẻ của chị G xác nhận: Vợ chồng anh T, chị G thường xuyên mâu thuẫn, gia đình bà cũng đã khuyên anh chị suy nghĩ để đoàn tụ vợ chồng nhiều nhưng không có kết quả. Chị G đã bỏ về sống tại gia đình bà từ tháng 7 năm 2017 đến nay. Nay anh, chị có chung sống được với nhau hay không do anh, chị quyết định. Vợ chồng chị G có 01 con chung hiện cháu đang ở với chị G. Đề nghị Tòa án giao cháu T cho chị G nuôi dưỡng, gia đình bà sẽ tạo điều kiện giúp đỡ chị G trong việc nuôi dưỡng cháu T.

Chị G xuất trình tài liệu bảng lương của chị với mức thu nhập 4 triệu đồng/tháng. Bà Lê Thị Đ ở thôn A, xã Q xác nhận: Bà thuê anh T làm lái xe trả lương 4 triệu đồng/tháng nếu có việc đều thì khoảng 8 triệu đồng/tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn người làm chứng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án. Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh T và chị G. Về nuôi con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị G, giao cho chị G tiếp tục nuôi con chung, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị G không yêu cầu. Về tài sản: Nguyên, bị đơn

không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Trần Đình T và chị Lưu Thị G kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn của Luật Hôn nhân và gia đình nên xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, do anh chị không thống nhất trong việc quản lý kinh tế gia đình, không hợp nhau về tính cách nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Gia đình anh, chị đã nhiều lần khuyên anh, chị để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Anh, chị đã ly thân từ tháng 7/2017 đến nay và không có trách nhiệm với nhau. Nay cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh T xin ly hôn, chị G nhất trí. Chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thuận tình ly hôn của hai anh chị.

[2] *Về quan hệ con chung:* Anh Trần Đình T và chị Lưu Thị G có 1 con chung là Trần Lưu Vân T, sinh ngày 18/12/2012, hiện con chung đang ở với chị Giang. Cả hai anh chị đều có nguyện vọng xin nuôi con và không yêu cầu bên không nuôi con phải cấp dưỡng nuôi con. Nguyện vọng xin nuôi con của các bên là chính đáng, cả hai bên đều đủ điều kiện về kinh tế để nuôi con. Tuy nhiên, do cháu T còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ hơn, cháu đang ở với mẹ, cuộc sống ổn định. Anh T làm nghề lái xe nên thời gian chăm sóc con ít hơn. Vì vậy, giao con chung cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung, công sức:* Nguyên, bị đơn không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] *Về án phí:* Anh Trần Đình T xin ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm dân sự theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật phí và lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Đình T và chị Lưu Thị G.

2. *Về quan hệ con chung*: Xử chấp nhận yêu cầu của chị Lưu Thị G, giao cho chị G tiếp tục nuôi con chung là Trần Lưu Vân T, sinh ngày 18/12/2012. Anh Trần Đình T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị G không yêu cầu và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Anh Trịnh Đình T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm dân sự được đối trừ với 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí anh đã nộp tại biên lai số AA/2016/000 2215 ngày 24/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách.

Anh Trần Đình T và chị Lưu Thị G có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát huyện Nam Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện Nam Sách;
- UBND xã Q. H. Nam Sách;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hà Thị Liên